

Số: 290/QĐ-UBND

Sông Công, ngày 10 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách
năm 2025 phường Sông Công**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG SÔNG CÔNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 20/3/2026 của HĐND phường Sông Công về phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước phường Sông Công năm 2025;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước năm 2025 phường Sông Công (Theo Thuyết minh và các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND - UBND phường, thủ trưởng các phòng, ban, ngành, đoàn thể, các trường, đơn vị sự nghiệp và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở Tài chính Thái Nguyên;
- TT Đảng ủy - Thường trực HĐND phường;
- Lãnh đạo UBND phường;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể TP phường;
- Trang thông tin điện tử phường;
- Lưu: VP, KTHT&ĐT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Trung Hoà

THUYẾT MINH

Quyết toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2025

(Kèm theo Quyết định số: 290/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Sông Công)

Căn cứ số liệu thực hiện thu chi ngân sách năm 2025, UBND phường Sông Công thuyết minh số liệu quyết toán thu chi ngân sách phường Sông Công năm 2025 như sau:

A. VỀ THU NGÂN SÁCH NĂM 2025:

I. Quyết toán tổng thu ngân sách trên địa bàn:

Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn phường Sông Công năm 2025 thực hiện đạt: **1.043.933 triệu đồng**. Trong đó:

1. Thu ngân sách Trung ương: **1.349 triệu đồng**.
2. Thu ngân sách tỉnh: **358.248 triệu đồng**.
3. Thu ngân sách cấp phường: **684.336 triệu đồng**;

(Chi tiết có Biểu số 02 kèm theo)

II. Quyết toán thu ngân sách phường theo dự toán tỉnh giao:

1. Quyết toán thu ngân sách:

Năm 2025, phường được UBND tỉnh giao dự toán thu ngân sách là: **299.771 triệu đồng**, HĐND phường giao: **299.771 triệu đồng**. Kết quả thực hiện cả năm đạt: **360.367 triệu đồng**, bằng 120,2% kế hoạch tỉnh giao và HĐND phường giao. Trong đó có 7/10 chỉ tiêu tỉnh giao hoàn thành và vượt kế hoạch được giao.

(Chi tiết có Biểu số 10 kèm theo)

2. Đánh giá thực hiện thu ngân sách theo từng khoản thu:

- *Chỉ tiêu thu từ khu vực DNNN*: thực hiện đạt 5.286 triệu đồng, bằng 669,1% dự toán thu tỉnh và HĐND phường giao, tăng do trong năm có một số đơn vị trên địa bàn phát sinh các khoản nộp vào NSNN.

- *Chỉ tiêu thu từ khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài*: thực hiện đạt 2.290 triệu đồng, bằng 229% dự toán thu tỉnh và HĐND phường giao.

- *Chỉ tiêu Thu ngoài quốc doanh*: thực hiện đạt 44.572 triệu đồng, bằng 135,5% dự toán thu tỉnh giao và HĐND phường giao.

- *Chỉ tiêu thu lệ phí trước bạ*: thực hiện đạt 14.154 triệu đồng, bằng 168,9% dự toán thu tỉnh và dự toán HĐND phường giao, tăng lệ phí trước bạ do

cuối năm phường tổ chức thành công đấu giá đất tại Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (Khu B), thu từ các dự án thuê đất trả tiền một lần của các dự án.

- *Chỉ tiêu thuế thu nhập cá nhân*: thực hiện đạt 8.800 triệu đồng, bằng 121,8% dự toán thu tỉnh và dự toán HĐND phường giao, tăng do thu từ chuyển nhượng bất động sản trong năm trên địa bàn, đấu giá thành công các lô đất tại Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (Khu B).

- *Chỉ tiêu thu phí và lệ phí* : thực hiện đạt 910 triệu đồng, bằng 32,9% dự toán thu tỉnh và HĐND phường giao.

- *Chỉ tiêu thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*: thực hiện đạt 1.231 triệu đồng, bằng 115% dự toán thu tỉnh và dự toán HĐND phường giao, tăng do thực hiện đôn đốc các hộ gia đình có đất trong các khu dân cư mới thực hiện kê khai nộp thuế.

- *Chỉ tiêu thu tiền thuê đất*: thực hiện đạt 30.575 triệu đồng, bằng 91,4% dự toán thu tỉnh và HĐND phường giao.

- *Chỉ tiêu thu tiền sử dụng đất*: thực hiện đạt 243.646 triệu đồng, bằng 120% dự toán thu tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao, tăng do trong năm tổ chức đấu giá thành công các lô đất tại Khu đô thị đường Lý Thường Kiệt (Khu B).

- *Chỉ tiêu thu tiền thuê nhà, bán nhà sở hữu nhà nước*: mặc dù tỉnh và HĐND phường không giao chỉ tiêu kế hoạch nhưng năm 2025 đã thực hiện đạt 33 triệu đồng.

- *Chỉ tiêu thu từ bán tài sản nhà nước*: mặc dù tỉnh và HĐND phường không giao chỉ tiêu kế hoạch nhưng năm 2025 đã thực hiện đạt 30 triệu đồng.

- *Chỉ tiêu thu khác ngân sách*: thực hiện đạt 7.899 triệu đồng, bằng 87,1% dự toán thu tỉnh và HĐND phường giao.

- *Chỉ tiêu thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác*: mặc dù tỉnh và HĐND phường không giao chỉ tiêu kế hoạch nhưng năm 2025 đã thực hiện thu được 940 triệu đồng.

Nhìn chung, ngay sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, UBND phường đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị phối hợp với các cấp, các ngành triển khai đồng bộ các giải pháp thu ngân sách trên địa bàn; chủ động rà soát các nguồn thu, xây dựng kế hoạch thu chi tiết theo từng sắc thuế.

Trong thời gian qua, mặc dù chịu ảnh hưởng của thiên tai, bão lũ; việc thực hiện các chính sách miễn, giảm thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước đã tác động không nhỏ đến kế hoạch thu ngân sách năm 2025. Tuy nhiên, với sự quan tâm, tạo điều kiện của tỉnh; sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của Đảng

uỷ, HĐND-UBND phường; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị và sự đồng thuận của nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn, phường đã nỗ lực vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch thu ngân sách, bảo đảm nguồn lực tài chính phục vụ thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

B. VỀ CHI NGÂN SÁCH:

I. Quyết toán chi ngân sách phường năm 2025:

Dự toán chi ngân sách phường năm 2025 được UBND tỉnh giao là **607.853 triệu đồng**, HĐND phường giao là **607.853 triệu đồng**.

Quyết toán chi năm 2025: **580.203 triệu đồng**, bằng **95%** so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao. Chi tiết theo cơ cấu và lĩnh vực chi như sau:

1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển năm 2025 của phường thực hiện: **153.089 triệu đồng**, bằng **41%** so với dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao. Gồm các khoản chi: Chi đầu tư XDCB từ nguồn vốn cấp quyền sử dụng đất, chi từ nguồn chuyển nguồn, kết dư ngân sách.

2. Chi thường xuyên

Chi thường xuyên năm 2025 của phường Sông Công thực hiện quyết toán: **259.769 triệu đồng**, bằng **110%** dự toán tỉnh giao và dự toán HĐND phường giao. Cụ thể quyết toán từng nội dung chi:

- Chi quốc phòng: 9.472 triệu đồng, bằng 177% dự toán được giao.
- Chi an ninh & TTATXH: 3.764 triệu đồng, bằng 102% dự toán được giao.
- Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo: 64.764 triệu đồng, bằng 98% dự toán được giao.
- Chi sự nghiệp y tế: 1.799 triệu đồng, bằng 74% dự toán được giao.
- Chi sự nghiệp văn hóa: 9.226 triệu đồng, bằng 131% dự toán được giao.
- Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình: 1.197 triệu đồng, bằng 48% dự toán được giao.
- Chi sự nghiệp thể dục thể thao: 3.182 triệu đồng, bằng 88% dự toán được giao.
- Chi sự nghiệp môi trường: 6.509 triệu đồng, bằng 79% dự toán được giao.
- Chi sự nghiệp kinh tế: 18.362 triệu đồng, bằng 72% dự toán được giao.

Trong đó: Chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ từ 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất: Quyết toán chi là 68 triệu đồng, bằng 1,3% dự toán được giao.

- Chi quản lý hành chính: 120.174 triệu đồng, bằng 163% dự toán được giao.
- Chi đảm bảo xã hội: 20.584 triệu đồng, bằng 101% dự toán được giao.
- + Trong đó: Chi công tác giảm nghèo giải quyết việc làm: 4.000 triệu đồng.
- Chi khác ngân sách: 735 triệu đồng, bằng 83% dự toán được giao.

3. Chi chuyển nguồn năm 2025 sang năm 2026: Quyết toán chi là 167.344 triệu đồng.

(Chi tiết có các Biểu số 03 đến 10 kèm theo)

II. Đánh giá thực hiện chi ngân sách năm 2025:

Thực hiện quy định của Luật ngân sách Nhà nước, ngay sau khi dự toán ngân sách năm 2025 được HĐND phường phê chuẩn và thông qua, UBND phường đã ký ban hành Quyết định số số 182/QĐ-UBND ngày 05/08/2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước phường Sông Công năm 2025, số 411/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước phường Sông Công năm 2025, số 740/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 về việc bổ sung dự toán ngân sách nhà nước phường Sông Công năm 2025; số 332/QĐ-UBND ngày 04/9/2025 về việc giao kế hoạch đầu tư công phường Sông Công năm 2025, số 414/QĐ-UBND ngày 29/9/2025 về việc điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2025 phường Sông Công cho các cơ quan, đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện.

- Đối với chi đầu tư XD CB: UBND phường thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 11/12/2020 của HĐND tỉnh Thái Nguyên về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 tỉnh Thái Nguyên, thực hiện theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các văn bản hướng dẫn thực hiện. Tuy nhiên do tiến độ triển khai dự án chậm, vướng mắc về thủ tục pháp lý chuẩn bị đầu tư, bồi thường GPMB,... UBND phường không hoàn thành kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công năm 2025.

- Đối với chi thường xuyên: Triển khai thực hiện Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ Tài chính Quy định về tổ chức thực hiện dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2025, UBND phường đã tăng cường chỉ đạo thực hiện dự toán chi ngân sách, trên tinh thần tiết kiệm để giành nguồn

Biểu số: 01

(Biểu mẫu số 48 - Nghị định số
31/2017/NĐ-CP)

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 290/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Sông Công)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NSDP	607.853	684.336	76.483	112,6
I	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	-	770	770	
-	Thu NSDP hưởng 100%			-	
-	Thu NSDP hưởng từ các khoản thu phân chia		770	770	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	400.436	476.149	75.713	118,9
1	Thu bổ sung cân đối ngân sách	28.980	28.980	-	100,0
2	Thu bổ sung có mục tiêu	371.456	447.169	75.713	120,4
III	Thu từ ngân sách cấp huyện chuyển về	202.376	202.376	-	100,0
IV	Thu kết dư	1.124	1.124	-	100,0
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	3.917	3.917	-	100,0
B	TỔNG CHI NSDP	607.853	580.203	- 27.651	95,5
I	Tổng chi cân đối NSDP	606.853	411.823	- 195.030	67,9
1	Chi đầu tư phát triển	372.291	153.089	- 219.202	41,1
2	Chi thường xuyên	228.309	254.846	26.537	111,6
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			-	
4	Dự phòng ngân sách	6.253	3.888	- 2.365	62,2
5	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			-	
II	Chi các chương trình mục tiêu	1.000	1.035	35	103,5
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	808	843	35	104,4
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	192	192	-	100,0
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau		167.344	167.344	
IV	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			-	
V	Chi nộp ngân sách cấp trên			-	
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP		104.133	104.133	
D	CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSDP			-	
I	Từ nguồn vay để trả nợ gốc			-	
II	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh			-	
E	TỔNG MỨC VAY CỦA NSDP			-	
I	Vay để bù đắp bội chi			-	
II	Vay để trả nợ gốc			-	
G	TỔNG MỨC DƯ NỢ VAY CUỐI NĂM CỦA NSDP			-	

QUYẾT TOÁN NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 290/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Sông Công)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NSNN (A+B+C+D)	705.248	405.477	1.043.933	684.336	148,0	168,8
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN	299.771	0	360.367	770	120,2	
I	Thu nội địa	299.771	0	360.367	770	120,2	
1	Thu từ khu vực DNNN do trung ương quản lý (1)	0	0	357	0		
	- Thuế giá trị gia tăng			20			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		0	337			
2	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý (2)	790		4.930	0	624,0	
	- Thuế giá trị gia tăng		0	2.016			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		0	2.905	0		
	- Thuế tài nguyên		0	9	0		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (3)	1.000		2.290		229,0	
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		0	2.290	0		
	- Thuế tài nguyên		0	0,122			
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (4)	32.900		44.572	0	135,5	
	- Thuế giá trị gia tăng		0	33.707			
	- Thuế tiêu thụ đặc biệt		0	33			
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp		0	10.798			
	- Thuế tài nguyên		0	35			
5	Thuế thu nhập cá nhân	7.225		8.800		121,8	
6	Lệ phí trước bạ	8.380		14.154		168,9	
7	Thu phí, lệ phí	2.768		910	0	32,9	
	- Phí và lệ phí trung ương		0	280			
	- Phí và lệ phí tỉnh		0	112			
	- Phí và lệ phí xã, phường		0	518			
8	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	1.070		1.231		115,0	
9	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	33.445		30.575		91,4	
10	Thu tiền sử dụng đất	203.121		243.646		120,0	
11	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			33			
12	Thu từ bán tài sản nhà nước		0	31			
13	Thu khác ngân sách	9.072		7.899	770	87,1	
14	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác			940			
II	Thu từ dầu thô		0				
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu		0				
IV	Thu viện trợ		0				
V	Các khoản huy động đóng góp		0				

B	THU CHUYỂN GIAO NGÂN SÁCH	400.436	400.436	678.524	678.524		
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC	1.124	1.124	1.124	1.124		
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG	3.917	3.917	3.917	3.917	100,0	100,0

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 290/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Sông Công)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	607.853	580.203	95
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	606.853	411.823	68
I	Chi đầu tư phát triển	372.291	153.089	41
1	Chi đầu tư cho các dự án	372.291	153.089	41
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	20.111	-	
-	Chi khoa học và công nghệ			
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	217.735	123.905	57
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	228.309	254.846	112
	<i>Trong đó:</i>			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	66.958	64.764	97
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay			
IV	Dự phòng ngân sách	6.253	3.888	62
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-		
VI	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	-		
VII	Chi nộp ngân sách cấp trên	-		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.000	1.035	104
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	808	843	104
1	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	808	460	57
2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới		383	
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	192	192	100
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	192	192	100
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-	167.344	

Biểu số: 04*(Biểu mẫu số 52 - Nghị định số
31/2017/NĐ-CP)***QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC NĂM 2025***(Kèm theo Quyết định số: 890 /QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Sông Công)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NSDP	607.853	580.203	- 27.651	95
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (1)			-	
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	607.853	412.859	- 194.995	68
I	Chi đầu tư phát triển	372.291	153.089	- 219.202	41
1	Chi đầu tư cho các dự án	372.291	153.089	- 219.202	41
-	Chi quốc phòng	-	-	-	
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	-	-	-	
-	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	20.111	-	- 20.111	0
-	Chi Khoa học và công nghệ	-	-	-	
-	Chi Y tế, dân số và gia đình	-	-	-	
-	Chi Văn hóa thông tin	-	-	-	
-	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.883	2.883	-	
-	Chi Thể dục thể thao	-	-	-	
-	Chi Bảo vệ môi trường	-	-	-	
-	Chi các hoạt động kinh tế	338.903	140.045	- 198.858	41
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	10.396	10.162	- 233	98
-	Chi Bảo đảm xã hội	-	-	-	
-	Các ngành, lĩnh vực khác	-	-	-	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên	229.309	255.881	26.572	112
-	Chi quốc phòng	8.108	7.887	- 221	97
-	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	3.868	3.764	- 104	
-	Chi Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	66.958	64.764	- 2.194	97
-	Chi khoa học và công nghệ			-	
-	Chi y tế, dân số và gia đình	2.426	1.799	- 628	74
-	Chi Văn hóa thông tin	7.041	9.226	2.185	131
-	Chi Phát thanh, truyền hình, thông tấn	2.485	1.197	- 1.288	48
-	Chi Thể dục thể thao	3.632	3.182	- 449	88
-	Chi sự nghiệp môi trường	8.231	6.509	- 1.722	79
-	Chi các hoạt động kinh tế	25.536	16.482	- 9.054	65

	<i>Trong đó: 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chỉ thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ</i>	5.068	68	- 5.000	1,3
-	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	73.744	120.174	46.431	163
-	Chi Bảo đảm xã hội	21.285	20.161	- 1.124	95
-	Chi khác	885	735	- 150	83
III	Dự phòng ngân sách	6.253	3.888	- 2.365	62
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-		-	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU		167.344	167.344	

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 290/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Sông Công)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán năm 2025	Bao gồm		Quyết toán	Bao gồm		So sánh (%)	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã		Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách xã	Ngân sách địa phương	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	9=6/3
	TỔNG CHI NSDP	607.853	-	607.853	580.203	-	580.203	95	95
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	606.853	-	606.853	411.823	-	411.823	68	68
I	Chi đầu tư phát triển	372.291	-	372.291	153.089	-	153.089	41	41
1	Chi đầu tư cho các dự án	372.291		372.291	153.089		153.089	41	41
	Trong đó: Chia theo lĩnh vực	-		-	-		-		
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	20.111		20.111	-		-		-
-	Chi khoa học và công nghệ	-		-	-		-		-
	Trong đó: Chia theo nguồn vốn	-		-	-		-		
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	217.735		217.735	123.905		123.905	57	57
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	-		-	-		-		-
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	-		-	-		-		-
3	Chi đầu tư phát triển khác	-		-	-		-		-
II	Chi thường xuyên	228.309		228.309	254.846		254.846	112	112
	Trong đó:	-		-	-		-		-
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	66.958		66.958	-		-	-	-
2	Chi khoa học và công nghệ	-		-	-		-		-
3	10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất để chi cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai và đăng ký biến động, chỉnh lý hồ sơ địa chính thường xuyên theo Chi thị số 1474/CT-TTg ngày 24 tháng 8 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ	5.068		5.068	68		68	1,3	1,3
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	-		-	-		-		-
IV	Dự phòng ngân sách	6.253		6.253	3.888		3.888		62
V	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	-		-	-		-		-
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	1.000	-	1.000	1.035	-	1.035		104
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	808	-	808	843	-	843		104
-	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	808		808	460		460		57
-	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới	-		-	383		383		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	192	-	192	192	-	192		100
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đảm bảo trật tự an toàn giao thông	192		192	192		192		100
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	-		-	167.344		167.344		-
D	CHI NỢP NGÂN SÁCH CẤP TRÊN	-		-	-		-		-
E	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI	-		-	-		-		-

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Sông Công)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Dự toán (1)			Quyết toán								So sánh (%)			
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (2)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (2)	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
										Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	TỔNG SỐ	641.821	372.291	269.530	580.203	153.089	258.723	-	-	1.047	-	1.047	167.344	90	41	96
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	635.568	372.291	263.277	537.218	153.089	254.834	-	-	1.047	-	1.047	128.248	85	41	97
1	Văn phòng HĐND - UBND	158.252		158.252	158.252		158.252				-			100		100
2	Phòng Văn hóa - Xã hội	9.709		9.709	9.709		8.561			130		130	1.018	100		90
3	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	4.126		4.126	4.126		3.487			639		639		100		100
4	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	387.796	372.291	15.504	289.446	153.089	8.944			260		260	127.153	75		59
5	Văn phòng Đảng ủy	14.390		14.390	14.390		14.390				-			100		100
6	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	4.200		4.200	4.200		4.105			17		17	77	100		98
7	Trung tâm Phục vụ hành chính công	1.245		1.245	1.245		1.245				-			100		100
8	Trung tâm Chính trị	1.540		1.540	1.540		1.540				-			100		100
9	Trường MN số 2	4.806		4.806	4.806		4.806				-			100		100
10	Trường MN Thăng Lợi	4.129		4.129	4.129		4.129				-			100		100
11	Trường MN Phố Cò	4.340		4.340	4.340		4.340				-			100		100
12	Trường MN Việt Đức	4.958		4.958	4.958		4.958				-			100		100
13	Trường TH Cái Đan	7.970		7.970	7.970		7.970				-			100		100
14	Trường TH Phố Cò	8.108		8.108	8.108		8.108				-			100		100
15	Trường TH Lý Tự Trọng	10.419		10.419	10.419		10.419				-			100		100
16	Trường THCS Thăng Lợi	9.155		9.155	9.155		9.155				-			100		100
17	Công an phường	225		225	225		225				-					
18	Trung tâm học tập cộng đồng	65		65	65		65				-					
19	Trường MN tư thực	87		87	87		87				-					
17	Trường THPT Sông Công	50		50	50		50				-					
II	CHI TRẢ NỢ LÃI CÁC KHOẢN DO CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG VAY (2)	-			-						-					

III	CHI BỔ SUNG QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH (2)	-			-					-				
IV	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	6.253		6.253	3.888		3.888			-				
V	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	-		-	-					-				
VI	CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI (3)	-			-					-		0		
VII	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	-			39.096					-		39.096		

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG TỪNG XÃ NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số: 290 /QĐ-UBND ngày 10 /4/2026 của UBND phường Sông Công)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán (2)			Quyết toán											So sánh (%)		
		Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	Tổng số	Chi đầu tư phát triển			Chi thường xuyên			Chi CTMTQG			Chi chuyển nguồn sang năm sau	Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên
						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó					
							Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ		Chi giáo dục đào tạo dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ (3)		Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15= 4/1	16= (5+12)/2	17=(8+13)/3
	TỔNG SỐ	607.853	372.291	235.562	412.859	153.089	-	-	258.926	64.764	-	843	-	843	167.344	67,9	41,1	110,3
1	Phường Sông Công	607.853	372.291	235.562	412.859	153.089			258.926	64.764		843		843	167.344	67,9	41,1	110,3

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2025(Kèm theo Quyết định số: **290** /QĐ-UBND ngày **10/4/2026** của UBND phường Sông Công)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị (1)	Dự toán								Quyết toán								So sách (%)							
		Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu						Tổng số	Bổ sung cân đối ngân sách	Bổ sung có mục tiêu					
				Tổng số	Gồm		Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia			Tổng số	Vốn ngoài nước	Vốn trong nước	Vốn đầu tư để thực hiện các CTMT, nhiệm vụ	Vốn sự nghiệp thực hiện các chế độ, chính sách	Vốn thực hiện các CTMT quốc gia
					Vốn ngoài nước	Vốn trong nước																			
A	B	1	2	3=4+5	4	5	6	7	8	9	10	11=12+13	12	13	14	15	16	17=9/1	18=10/2	19=11/3	20=12/4	21=13/5	22=14/6	23=15/7	24=16/8
	TỔNG SỐ	602.812	28.980	573.832		573.832	372.291	200.732	808	575.162	28.980	546.182		546.182	153.089	392.249	843	95,4	100,0	95,2	-	95,2	41,1	195,4	104,4
1	UBND phường Sông Công	602.812	28.980	573.832		573.832	372.291	200.732	808	575.162	28.980	546.182		546.182	153.089	392.249	843	95,4	100,0	95,2		95,2		195,4	104,4

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số: 290 /QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Sông Công)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung (1)	Dự toán			Quyết toán																So sánh (%)			
		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới						Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững						Tổng số	Trong đó			
			Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp		Đầu tư phát triển	Kinh phí sự nghiệp	Chi đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp			Chi đầu tư phát triển			Kinh phí sự nghiệp				Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên		
								Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn ngoài nước					
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23
	TỔNG SỐ	1.395	-	1.047	1.047	-	1.047	556	-	-	-	556	556	-	490	-	-	-	490	490	-	75,04		100
I	Ngân sách cấp tỉnh (huyện, xã)																							
II	Ngân sách cấp xã	1.395	-	1.047	1.047	-	1.047	556	-	-	-	556	556	-	490	-	-	-	490	490	-	75		100
*	Ngân sách trung ương hỗ trợ	1.191	-	843	843	-	843	383	-	-	-	383	383	-	460	-	-	-	460	460	-	71		100
1	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp	608		260	260	-	260	-	-			-			260	-			260	260	-	43		100
2	Phòng Kinh tế, HT & DT	455		455	455	-	455	383	-			383	383	-	72	-			72	72	-	100		100
3	Phòng Văn hoá - Xã hội	113		113	113	-	113	-	-			-			113	-			113	113	-	100		100
4	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	15		15	15	-	15	-	-			-			15	-			15	15	-	100		100
*	Ngân sách phường	203	-	203	203	-	203	173	-	-	-	173	173	-	30	-	-	-	30	30	-	100		100
1	Phòng Kinh tế, HT & DT	184		184	184	-	184	173	-			173	173	-	11	-			11	11	-	100		100
2	Phòng Văn hoá - Xã hội	17		17	17	-	17	-	-			-			17	-			17	17	-	100		100
3	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc	2		2	2	-	2	-	-			-			2	-			2	2	-	100		100

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN THU NSNN NĂM 2025 - PHƯỜNG SÔNG CÔNG

(Kèm theo Quyết định số: 290 /QĐ-UBND ngày 10/4/2026 của UBND phường Sông Công)

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Dự toán tỉnh giao	Dự toán giao thu thành phố giao	Thực hiện năm 2025	So sánh	
					TH/DT tỉnh giao	TH/DT thành phố giao
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số (A+B)	299.771	299.771	360.367	120,2	120,2
A	Thu cân đối	299.771	299.771	360.367	120,2	120,2
I	Thu theo phân cấp	299.771	299.771	360.367	120,2	120,2
	Thu không kể tiền SDD	96.650	96.650	116.721	120,8	120,8
1	Thu từ khu vực DNNN do địa phương quản lý	790	790	5.286	669,1	669,1
2	Thu từ DN có vốn ĐT nước ngoài	1.000	1.000	2.290	229,0	229,0
3	Thu ngoài quốc doanh	32.900	32.900	44.572	135,5	135,5
4	Thu lệ phí trước bạ	8.380	8.380	14.154	168,9	168,9
5	Thuế thu nhập cá nhân	7.225	7.225	8.800	121,8	121,8
6	Thu phí, lệ phí	2.768	2.768	910	32,9	32,9
7	Thuế sử dụng đất phi NN	1.070	1.070	1.231	115,0	115,0
8	Thu tiền cho thuê đất	33.445	33.445	30.575	91,4	91,4
9	Thu tiền sử dụng đất	203.121	203.121	243.646	120,0	120,0
10	Thu từ bán tài sản nhà nước	0	0	31		
11	Thu tiền thuê nhà SHNN	0	0	33		
12	Thu khác ngân sách	9.072	9.072	7.899	87,1	87,1
13	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		0	940		
B	Thu quản lý qua ngân sách			0		